

ISSN 0866 - 7632



# TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC



4 (220)  
2020

VIỆN DÂN TỘC HỌC  
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM



ISSN 0866 - 7632

# TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC



4 (220)

2020

VIỆN DÂN TỘC HỌC  
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

## XÂY DỰNG NHÀ CỘNG ĐỒNG TRUYỀN THỐNG Ở CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG TRƯỜNG SƠN - TÂY NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh  
Đại học Khoa học Huế

**Tóm tắt:** Những năm qua, từ các nguồn kinh phí, nhiều buôn làng của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Trường Sơn - Tây Nguyên đã xây dựng được nhà cộng đồng truyền thống. Đã có một số công trình tìm hiểu quá trình xây dựng loại nhà này, song vẫn còn ít đề cập, đánh giá một cách tổng quát, phân tích những điểm mạnh, điểm hạn chế và đề xuất các giải pháp có liên quan đến việc xây dựng nhà cộng đồng. Từ tài liệu thực địa ở một số tỉnh, bài viết này tập trung tìm hiểu việc thực hiện xây dựng nhà cộng đồng truyền thống, những ưu điểm, hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục xây dựng loại hình nhà này có hiệu quả hơn cho các dân tộc thiểu số vùng Trường Sơn - Tây Nguyên.

**Từ khóa:** Nhà cộng đồng truyền thống, dân tộc thiểu số, vùng Trường Sơn - Tây Nguyên.

**Abstract:** During the passing years, many villages in the Central Highland have built their own traditional community houses from many different budget sources. There have been a number of researches that discuss the issue of traditional community house construction. However, not many of them assess thoroughly or analyze the strengths and weaknesses of current solutions to community house construction. Drawing on fieldwork data collected in several provinces, this article focuses on the strength and limitations of traditional community house construction in order to recommend solutions to build community houses more effectively for ethnic minority groups in the Central Highland of Vietnam.

**Keywords:** Traditional community houses, ethnic minority groups, Central highland region.

Ngày nhận bài: 11/6/2020; ngày gửi phản biện: 3/7/2020; ngày duyệt đăng: 28/7/2020

### Mở đầu

Cùng với phát triển kinh tế, thời gian qua, các địa phương trong cả nước nói chung và ở vùng miền núi Trường Sơn - Tây Nguyên nói riêng đã chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống. Trong đó, phổ biến là việc triển khai xây dựng, phục dựng nhà cộng đồng truyền thống (NCĐTT), còn được gọi là nhà chung cộng đồng hay nhà văn hóa cộng đồng cho các dân tộc thiểu số (DTTS). Các địa phương vùng Trường Sơn - Tây Nguyên bằng nhiều nguồn kinh phí đã xây dựng NCĐTT cho các thôn/buôn/làng của đồng bào các DTTS. Đến nay, đã có một số nghiên cứu về quá trình xây dựng NCĐTT vùng DTTS ở Trường Sơn - Tây Nguyên, như Nguyễn Hữu Thông (2003) tìm hiểu về "Tình hình



vùng cao biên giới của 2 huyện A Lưới và Nam Đông. Công trình này đã xây dựng được trung bình 3 nhà cho 1 xã. Tại A Lưới, Dự án xây dựng được 25 NCDTT. Ở Nam Đông, Dự án xây dựng được 14 NCDTT. Ngoài ra, một số tổ chức phi chính phủ cũng giúp người dân nơi đây xây dựng nhà cộng đồng, như "Chương trình phục hồi nhà gươl" với sự hỗ trợ của Tổ chức Bắc Âu trợ giúp Việt Nam (NAV) và Tổ chức liên minh các nhà thờ và hợp tác và phát triển của Hà Lan (ICCO); "Dự án du lịch sinh thái" được Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV) tài trợ. Các chương trình, dự án này thực hiện ở một số thôn như ở: U Rang - Hương Hữu (1990), A Ka - Thượng Long (2000), Dồi - Thượng Lộ (2004), A Chiêm - Thượng Long (2000) và A Răng - Thượng Quảng (2002) (Trương Hoàng Phương, Hirohiko Kobayashi, 2013, tr. 106). Trường Đại học nghiên cứu về môi trường toàn cầu - Đại học Kyoto thông qua dự án JICA tại xã Hồng Hạ tỉnh Thừa Thiên Huế, nhà chung cộng đồng của người Co-tu còn gọi là nhà gươl đã được phục dựng gần như là truyền thống vào tháng 9/2007 (Nguyễn Xuân Hồng, 2013, tr. 113).

Ở tỉnh Quảng Nam, theo thống kê của Ban Xây dựng "Dự án hỗ trợ bảo tồn, phát huy một số loại hình văn hóa các dân tộc thiểu số", đến năm 2019 toàn tỉnh có 253 thôn thuộc vùng đồng bào DTTS, trong đó 238 thôn có NCDTT, 15 thôn không có, 44 NCDTT đã xuống cấp, hư hỏng (Số Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam, 2019).

Tại Tây Nguyên, đến năm 2013, toàn vùng đã xây dựng được 2.027 NCDTT, với tổng kinh phí đầu tư khoảng 300 tỷ đồng. Cụ thể, tỉnh Đắk Lắk có 605 thôn/làng DTTS đã xây dựng 570 NCDTT, với kinh phí hơn 60 tỷ đồng; tỉnh Gia Lai xây dựng được 749 NCDTT; tỉnh Kon Tum có 575/588 thôn/làng đồng bào DTTS có NCDTT; và tỉnh Đắk Nông xây dựng được 133 NCDTT. Ngoài việc đầu tư xây dựng NCDTT, nhiều địa phương còn bảo đảm kinh phí cho sắm cơ sở Tổ quốc, đài nhạc Quốc hiệu, ảnh và tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh; các trang thiết bị như đàn âm thanh, ti vi, bàn ghế, công chiêng, tù sách.

Về mẫu NCDTT, với các dân tộc Ê-đê, Mông được xây dựng theo kiến trúc nhà dài, còn với các tộc Ba-na, Gia-rai, Giê-Triêng ở các tỉnh Gia Lai, Kon Tum được xây dựng theo kiến trúc nhà rộng mà người dân quen gọi là "Nhà rộng văn hóa".

## 2. Những ưu điểm và hạn chế của việc xây dựng nhà cộng đồng truyền thống cho đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Trường Sơn - Tây Nguyên

Trên quan điểm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, việc xây dựng NCDTT cho đồng bào các DTTS trong thời gian qua được diễn ra rộng khắp các vùng miền của nước ta là việc làm cần thiết, hợp lý. NCDTT không chỉ là nhân tố quan trọng để lưu giữ di sản nghệ thuật kiến trúc, lễ hội, âm thực; nơi hội họp, trao đổi kiến thức, mà còn góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS, như tinh cộng đồng, văn hóa tâm linh. Vì vậy, với đồng bào các DTTS, NCDTT chính là bộ mặt văn hóa của thôn làng.

một trong  
án đã xây  
T. Ở Nam  
cũng giúp  
đi" với sự  
thả thò vì  
phát triển  
U Rang -  
Chiều -  
Hirohide  
Đại học  
lông của  
io tháng

hát huy  
in thuộc  
DTT đã

ời tổng  
đã xây  
CDTT,  
ng xây  
in báo  
Minh.

à dài  
g theo

g cho

chơ  
c tr  
ghé  
tôn  
nh

Trong quá trình xây dựng NCDTT, việc tham khảo ý kiến, bàn bạc và huy động sức dân đã được thực hiện. Một số ngôi nhà cộng đồng được xây dựng với sự tham gia tích cực của tiền của người dân địa phương. Vì vậy, NCDTT thường được xây dựng ở vị trí "đặc biệt" nhà của làng - thường ở giữa hoặc đầu làng để thuận tiện cho người dân tổ chức các hoạt động cộng đồng. Các ngôi nhà này về cơ bản được thiết kế theo mô thức NCDTT của đồng bào các DTTS với cả không gian kiến trúc, kết cấu kiến trúc, hình dáng, vật liệu. Sau khi được đưa vào sử dụng, các NCDTT về cơ bản đã phát huy được tác dụng: là nơi hội họp, tổ chức lễ hội cộng đồng; nơi trưng bày các hiện vật văn hóa của dân tộc như công chiêng, chiêng nưn cần, nhạc cụ truyền thống.

Tuy nhiên, bên cạnh ưu điểm, vẫn còn những bất ổn liên quan đến công tác này. Do NCDTT được xây dựng từ nhiều nguồn kinh phí, nên mô thức, vật liệu trong cùng một tộc người, một vùng có khi khác nhau. Ví dụ, cùng trong cộng đồng Cơ-tu ở huyện Nam Đông, có NCDTT được xây kiên cố với cột, kèo bằng bê tông, liếp bằng ván, lợp tôn; nhưng có nhà lại được dựng bằng gỗ, tranh, tre; diện tích, hình dáng, kích thước các ngôi nhà cũng khác biệt. Nhiều NCDTT được xây dựng sau một thời gian không sử dụng đã xuống cấp. Ở các tỉnh Tây Nguyên, tỷ lệ NCDTT hoạt động tốt còn ít, có hàng trăm NCDTT bị bỏ hoang. Tại tỉnh Đắk Nông, hiện có 70 NCDTT bị bỏ hoang và hư hỏng, chiếm gần 53% tổng số NCDTT toàn tỉnh. Trong tổng số 749 NCDTT ở tỉnh Gia Lai có 599 NCDTT tổ chức các hoạt động, nhưng chủ yếu chỉ là họp dân, biểu diễn văn nghệ, làm nơi mở các lớp học, còn lại 150 NCDTT hoạt động kém hiệu quả, bỏ hoang hóa. Tình trạng này có những nguyên nhân sau:

**Thứ nhất**, việc xây dựng NCDTT còn bất cập, từ thiết kế đến chất lượng công trình và chưa phù hợp với phong tục của người dân. Hình thức xây dựng NCDTT là mô phỏng kiểu nhà truyền thống của đồng bào, như nhà rông, nhà gươl, nhà sàn, nhưng nhiều công trình sử dụng các loại vật liệu mới. Diện tích và khuôn viên xây dựng ngôi nhà quá chật hẹp.

Việc phục dựng NCDTT vùng các DTTS ở Trường Sơn - Tây Nguyên trong thời gian qua thiếu sự nghiên cứu tường tận về cảnh quan, kết cấu và không gian kiến trúc của ngôi nhà. Do đó, việc phục hồi, xây dựng NCDTT có phần áp đặt và thâm chí dễ dãi. Chẳng hạn, việc xây dựng NCDTT ở người Cơ-tu huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên Huế lấy khuôn mẫu kiến trúc nhà gươl là hợp lý, nhưng mang nó lên xây dựng ở các thôn/làng, xã thuộc huyện A Lưới, nơi cư trú chủ yếu của người Tà-ôi, Pa-cô thì việc mô phỏng thiết kế, kiến trúc kiểu nhà gươl với kết cấu hai đầu hồi hình con trâu (đặc trưng kiến trúc nhà gươl) là chưa thỏa đáng. Bởi vì NCDTT của người Tà-ôi không phải nhà gươl mà là nhà rông với kiến trúc đặc trưng ở bộ mái rộng và dài, đầu hồi cuộn tròn, nhà tọa lạc ở giữa làng "như cái trục bánh xe. Các nhà dân năm chiều đôn nóc vào nhà Rông như cái nan hoa của bánh xe" (Viện Dân tộc học, 2015, tr. 347). Bên cạnh đó, trước đây có những làng người Tà-ôi cư trú trong một ngôi nhà dài, gian giữa (moong) được coi là NCDTT của làng đó. Đối với ngôi nhà dài của người Tà-ôi, gian ở giữa là phòng khách (moong) và cũng là nơi diễn ra các sinh hoạt quan trọng của đại gia đình. Đây là nơi các thành viên sống trong ngôi nhà dài có thể lui



tới và có thể là nơi ngủ của các con trai chưa lấy vợ. Mọi nghi lễ cúng bái quan trọng của họ đều diễn ra ở gian này (Nguyễn Văn Mạnh chủ biên, 2001, tr. 115). Những sự không hợp lý này còn gặp ở các tỉnh Tây Nguyên, khi lấy mô thức nhà rông vốn chỉ có ở những buôn làng của các dân tộc Gia-rai, Ba-na tại phía Bắc Tây Nguyên để xây dựng NCBTT cho các buôn làng người Ê-đê, Mông; hay xây nhà cấp bốn của người Kinh để làm nhà cộng đồng là không hợp lý.

Vị trí xây dựng NCBTT cũng đặt ra những vấn đề cần suy nghĩ. Không gian kiến trúc của ngôi nhà không chỉ được xác lập trên một kiến trúc đơn lẻ, duy nhất, mà còn đi kèm với một khuôn viên thoáng, rộng kiểu quảng trường làng, nơi dựng cột đâm trâu (Nguyễn Hữu Thông, 2003, tr. 4); vì vậy NCBTT phải được xây dựng ở trung tâm làng, bao quanh ngôi nhà đó là các gia đình với sự quần cư mật tập, tạo nên không gian kiến trúc hợp lý cho NCBTT của làng. Trong khi đó, nhiều NCBTT được xây dựng những năm gần đây ở một số địa phương thuộc miền núi Trường Sơn - Tây Nguyên lại không thực hiện đúng cảnh quan kiến trúc ngôi NCBTT, được xây dựng ở ngoài rìa làng, tạo nên một kiến trúc phân tán, tách rời, mà ngôi nhà làng ở thôn Dổi (xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế) là minh chứng.

Kết cấu kiến trúc NCBTT cũng đặt ra những thách thức cho việc bảo tồn và phát triển. Các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã đưa ra nhiều phương thức để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, như bảo tồn tĩnh/bảo tồn động, bảo tồn nguyên trạng/bảo tồn nguyên vẹn, bảo tồn thích nghi/bảo tồn nối tiếp, và bảo tồn dưới dạng "bảo tàng hóa". Ở nhiều địa phương vùng miền núi Trường Sơn - Tây Nguyên, một số ít trường hợp NCBTT được bảo tồn nguyên vẹn, còn chủ yếu sử dụng hình thức bảo tồn thích nghi/bảo tồn nối tiếp, mà phổ biến là thiết kế theo kiểu nhà truyền thống, nhưng vật liệu xây dựng được sử dụng là loại hiện đại; thậm chí có một số thôn bản, NCBTT được xây dựng theo kiểu nhà cấp 4, tường gạch, mái lợp tôn. Rõ ràng dù bảo tồn dưới hình thức nào, phải có một tiêu chí cơ bản là yếu tố nào trong NCBTT được coi là cần bảo tồn nguyên vẹn, còn những yếu tố nào được phép biến đổi. Ví dụ, trong kết cấu truyền thống của NCBTT như nhà gươl của người Co-tu, họa văn được chạm khắc đặc trưng, từ con gà trên nóc mái đến các họa văn bên trong, có cả cột cây đâm trâu sừng sừng giữa sân (Trương Điện Thắng, 2019). Trong xây dựng NCBTT, cột chính/cột thiêng không thể là cột bê tông cốt sắt; nhà phải có bếp (không thể có kiến trúc nhà chung lạnh lẽo, gió lùa vào mùa đông giá rét); những kết cấu kiến trúc khác như bình đài, vị trí cầu thang, hai đầu hồi nhà, các cửa sổ của nhà, độ cao thấp của mái nhà... được coi là những phần kiến trúc không được phép biến đổi. Không gian sinh hoạt của ngôi nhà - "phần hồn của ngôi nhà", như phía trong, phía ngoài của sân nhà, trước nhà, sau nhà, đầu nhà, cuối nhà cũng cần được xác định và không được đổi thay. Nơi trưng bày các chiến lợi phẩm trong sân bản, nơi đặt lễ vật cúng tế trong các dịp lễ hội, không gian thiêng của ngôi nhà mà người lạ không được phép đến cũng cần giữ nguyên. Rất đáng tiếc, nhiều công trình xây dựng NCBTT ở các địa phương vùng Trường Sơn - Tây Nguyên trong thời gian qua lại không đảm bảo các yêu cầu trên.

Thứ hai, do khi xây dựng NCDTT không xác định rõ cộng đồng dân cư thụ hưởng, nên bản thân NCDTT của buôn làng với của xã, thôn. Xã là đơn vị hành chính, thôn là một cụm dân cư trực thuộc hành chính của xã (thôn có thể đồng nhất với buôn làng, có thể không), nên phải phân biệt chức năng của NCDTT và nhà văn hóa - một bộ phận của thiết chế văn hóa cơ sở. Nếu chức năng của nhà văn hóa trong thiết chế văn hóa cơ sở là nơi hội họp, sinh hoạt tập thể của thôn, xã, thì với NCDTT lại có chức năng rất phong phú và đa dạng. Theo Nguyễn Xuân Hồng (2013, tr. 116), trước đây trong nhà gươl bao giờ cũng treo những chiến lợi phẩm thu được từ những cuộc đi săn cá nhân hay tập thể của làng như xương trâu, răng lợn rừng, da các loại thú; là nơi ờ, ngủ, chơi, trao đổi công việc của những người đàn ông; nơi quyết định những công việc hệ trọng của làng; nơi diễn ra các lễ hội cộng đồng, các lễ nghi tôn giáo. Đêm đêm, tại nhà gươl, thế hệ trẻ sẽ được thế hệ già Co-tu kể cho nghe câu chuyện về chàng mồ côi nghèo khổ nhưng dũng cảm, nhân hậu; về sự tích của các loài vật. Tác giả Nguyễn Hữu Thông (2003, tr. 3-4) khi tìm hiểu ngôi nhà cộng đồng của các dân tộc ở Trường Sơn - Tây Nguyên đã nêu 8 chức năng sau đây: (1) giảng đường truyền dạy tri thức; (2) hội trường cho các cuộc thảo luận cộng đồng; (3) pháp đình cho xử án; (4) nơi lưu truyền luật tục; (5) sân khấu dân gian; (6) không gian thiêng; (7) phòng trưng bày những thành quả lao động; và (8) nơi lưu trữ, tiếp khách của làng. Theo chúng tôi, các chức năng của NCDTT hiện nay không còn được phát huy, do tác động của nền kinh tế thị trường nên nhiều quan hệ cộng đồng đã mờ nhạt. NCDTT không còn là chỗ ngủ của trai làng, không còn là nơi truyền dạy tri thức, không còn là pháp đình xử án, không còn là nơi trưng bày những thành quả lao động và cũng không phải không gian thiêng cùng nơi tổ chức các lễ hội làng. Có chăng, đây chỉ còn là nơi lưu giữ và tiếp khách. Nguyễn Hữu Thông có lý khi nói rằng, phải chăng sự ra đời của ngôi nhà làng gắn liền với sự kết thúc sự tồn tại của những công xã huyết hệ, để thiết lập mối quan hệ làng giềng một cách phổ biến. Điều này cũng đã hàm chứa tính hữu hạn của nó khi các công xã khép kín ấy không còn hiện hữu nữa (Nguyễn Hữu Thông, 2003, tr. 4).

Việc tổ chức lấy nguyên liệu và thi công NCDTT cũng có thay đổi. Trước đây, muốn xây dựng NCDTT, người dân phải vào rừng tìm gỗ, rồi mọi người tụy vào phần việc được già làng phân công để góp sức xây dựng, và ngôi nhà được bày biện các hiện vật minh chứng cho sự gạn dạ, dũng mãnh của các thợ săn như một niềm kiêu hãnh. Ngày nay, ngôi nhà gươl bằng bê tông cốt thép, lợp tôn từ ngân sách Nhà nước, hoàn toàn không có giọt mồ hôi và dấu tay của dân làng (Trương Điện Thắng, 2019).

### 3. Một số giải pháp trong xây dựng nhà cộng đồng truyền thống cho đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Trường Sơn - Tây Nguyên

Với những ưu điểm, hạn chế như đã phân tích, khi triển khai xây dựng NCDTT, cần đảm bảo các nguyên tắc sau đây:



- Trước hết cần xác định nội hàm khái niệm: nhà văn hóa, nhà văn hóa cộng đồng, nhà cộng đồng, NCDT. Ở đây, khái niệm Nhà văn hóa/Nhà văn hóa cộng đồng nên xác định là một bộ phận của thiết chế văn hóa cơ sở (gồm nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, khu thi đấu thể thao) của các đơn vị hành chính cấp xã; còn NCDTT hay nhà cộng đồng nên hiểu là một thiết chế văn hóa truyền thống của buôn làng; nó giống như đình làng ở người Việt, nhà gươl của người Co-tu, nhà rông của người Gia-rai, Ba-na,... Một vấn đề đặt ra là hiện nay, buôn/làng/thôn trở thành bộ phận của hành chính cấp xã, nên nhiều vùng dân cư nước ta đã đồng nhất thôn với làng/bản/buôn truyền thống để xây dựng NCDTT. Thôn là chân rết của đơn vị hành chính cấp xã, có thể trùng với làng/bản/buôn truyền thống, nhưng có thể không trùng. Trường hợp không trùng, khi thôn là một cộng đồng dân cư mới thành lập, tập hợp nhiều nguồn dân cư, hoặc một làng/bản/buôn truyền thống do dân số đông, được chia thành một vài thôn. Vì vậy, cần tìm hiểu để xác định thôn với làng/bản/buôn là một hay không là một. Hiện nay, tại nhiều địa phương, số lượng thôn so với số lượng buôn/làng tăng lên đáng kể, ví dụ ở tỉnh Quảng Nam có 253 thôn, nhưng có thể số lượng buôn/làng nhiều hơn, bởi vậy khi xây dựng NCDTT cần loại bỏ 2 trường hợp sau đây: 1) không xây dựng NCDTT xã, vì đó là nhà văn hóa nằm trong thiết chế văn hóa cơ sở, thuộc thiết chế hành chính; 2) không xây dựng NCDTT ở các thôn được thành lập không dựa trên cơ sở buôn làng truyền thống.

Như vậy, khi xây dựng NCDTT cho buôn làng, cần xem xét đối tượng thụ hưởng NCDTT có phải là đơn vị buôn làng truyền thống hay không và không nên xây dựng NCDTT ở thôn được thành lập không dựa trên cơ sở buôn làng cổ truyền.

- Đảm bảo cảnh quan kiến trúc NCDTT: Cảnh quan kiến trúc ở đây là địa thể xây dựng nhà, hướng nhà, sự gắn bó với các ngôi nhà trong buôn làng. Lâu nay việc xây dựng nhà không theo nguyên tắc này nên không tránh khỏi sự thất bại, tốn kém tiền bạc của Nhà nước, nhân dân. Thông thường, nhà cộng đồng ở vùng đồng bào DTTS nằm ở giữa làng, theo hướng lưng quay về phía núi. Địa thể nơi xây dựng bằng phẳng, cao ráo, thoáng mát. Bao quanh NCDTT là các nhà trong làng, tạo thành quần thể mật tập, gần gũi, gắn bó. Trước nhà có một sân rộng với cây nêu làm biểu trưng linh hồn của ngôi nhà; xung quanh nhà có cây trái tạo nên không gian tâm linh. Nhà dẫu không xây công cũng vẫn được xác định phía trước, phía sau, bên phải, bên trái.

- Đảm bảo kết cấu kiến trúc truyền thống: kết cấu này bao gồm hình dáng ngôi nhà, kết cấu vật liệu xây dựng và kết cấu kỹ thuật xây dựng. Cần chú ý hình dáng NCDTT phải khởi nguồn từ ngôi nhà truyền thống của các tộc người, như nhà rông của người Gia-rai, Ba-na, nhà gươl của người Co-tu. Nhưng hiện nay, hình dáng những ngôi nhà cộng đồng thường theo mô hình của vùng, như ở Tây Nguyên là mô hình nhà rông, ở vùng Trường Sơn là mô hình nhà gươl,... nếu người dân không đồng thuận sẽ gây nên phản cảm. Vì thế, nên chăng có sự bàn bạc với dân làng để chọn lựa mô hình, như ở người Tà-ôi thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, NCDTT là nhà *roong*; với người Pa-co là *klang*; người Bru-Vân Kiều là *khoan/xuc*; hay ở các dân tộc Ê-đê và Mông là nhà dài. Những người có trách nhiệm cùng với người dân



nhà học chọn lựa các mô hình, để lấy ngôi nhà cộng đồng của vùng hoặc là mô hình NCBTT của vùng bảo tồn tại. Với một số dân tộc từ lâu không còn NCBTT, nên chăng cùng với nguyên dẫn thống nhất lấy nhà sàn truyền thống hay nhà đất để xây dựng. Về vật liệu, NCBTT được dựng bằng chất liệu thực vật như gỗ, tranh, tre, nứa, lá. Nhưng hiện nay, gỗ để làm cột, kèo của rường không nhiều, mái lá không được lâu bền, nên theo quan điểm bảo tồn thích nghi, có thể xây dựng cột kèo bằng bê tông cốt sắt, mái lợp tôn. Dầu vậy, NCBTT phải đảm bảo nguyên tắc giữ được hình dáng vật liệu truyền thống. Vì vậy, cột kèo làm bằng bê tông phải được phủ màu sắc gỗ; mái lợp tôn nhưng ở trên phải phủ tranh tre.

- *Đảm bảo không gian kiến trúc truyền thống*: đây là không gian có cột thiêng, nơi không được để các đồ ứ tạp. Không gian này dùng đặt lễ vật, để chế rượu cần; nơi tổ chức lễ nghi cúng tế; nơi quy định chỗ ngồi của các thành viên trong cộng đồng; nơi có bếp lửa đặt ở năm cuối ngôi nhà để tạo nên sự ấm cúng; nơi trưng bày các sản phẩm của sản bản như măng trâu, tẻ giác, hươu nai, được gài trên liếp nhà, mái nhà.

- *Xác định/lựa chọn hình thức bảo tồn/xây dựng/phục dựng thích hợp*: cần đảm bảo các hình thức như sau: 1) bảo tồn nguyên vẹn theo tinh thần Hiến chương quốc tế về Bảo tồn và Mừng di tích và di chỉ tại Đại hội quốc tế lần thứ hai các kiến trúc sư và kỹ thuật gia về di tích lịch sử tại Venice vào năm 1964, NCBTT phải được xây dựng dựa trên tinh xác thực vốn có về cả vật liệu, kỹ thuật, kiến trúc; 2) bảo tồn tiếp nối/bảo tồn thích nghi là chấp nhận điều chỉnh các yếu tố không còn phù hợp với xã hội và môi trường hiện nay, như sử dụng nguyên vật liệu hiện đại thay thế sự khan hiếm của nguyên vật liệu truyền thống, như vậy NCBTT được phục dựng để bảo tồn hồn cốt của ngôi nhà, thay vì bảo tồn nguyên vẹn "xác kiến trúc" của nó; 3) bảo tồn dưới dạng "bảo tàng hóa" tức NCBTT được bảo tồn dưới dạng di sản, để giới thiệu và duy trì di sản văn hóa của cộng đồng các DTTS cho con cháu hôm nay, mai sau và cho khách du lịch.

Trong quá trình xây dựng NCBTT, phải thực hiện nguyên tắc *xây dựng dựa vào cộng đồng dân cư*, phát huy thế mạnh của từng nhóm, đối tượng như: "Thanh niên tìm kiếm và thu thập những cây gỗ lớn trong rừng, các hộ gia đình trong thôn đóng góp các vật liệu như lá lợp mái và tre nứa làm vách tường, những người có kinh nghiệm tham gia bằng cách thiết kế và hướng dẫn dân làng dựng nhà theo cách thức truyền thống" (Trương Hoàng Phương, Hirohide Kobayashi, 2013, tr. 106).

### Kết luận

Xây dựng NCBTT thuộc chương trình bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống là việc làm mang nhiều ý nghĩa to lớn. Song, việc phục hồi, xây dựng NCBTT trong những năm gần đây còn nhiều hạn chế. Để giảm được những hạn chế nêu trên, cần tiến hành các giải pháp đồng bộ, mà một trong những giải pháp đó là kết hợp xã hội hóa nguồn lực tài chính, xã hội hóa việc tham gia của các nhà khoa học, các tổ chức phân biện xã hội, của chính quyền địa phương; và hơn tất cả là xã hội hóa dựa trên tri thức địa phương, sự bàn bạc, góp ý

và tham gia công sức của cộng đồng dân cư. Bên cạnh đó, một trong những nguyên tắc xây dựng NCDTT là phải kết hợp các phương thức bảo tồn tĩnh, bảo tồn động, bảo tồn nguyên vẹn, bảo tồn tiếp nối/thích nghi. Những yếu tố bảo tồn phải tuyệt đối tuân thủ là không gian, cảnh quan của ngôi nhà nằm ở trung tâm của buôn làng và giữ được hình dáng truyền thống, các yếu tố thiêng liên quan đến NCDTT. Trong xu hướng hiện nay, ngoài việc thay đổi vật liệu xây dựng, một số kết cấu kiến trúc trong ngôi nhà, nên chăng cũng cần thay đổi chức năng sử dụng của NCDTT để có thể trở thành một trung tâm văn hóa với bảo tàng, thư viện, khu vui chơi, thể thao của thanh thiếu niên.

#### Tài liệu tham khảo

1. Sỹ Hào (2020), "Những phát sinh sau khi sáp nhập thôn bản: Câu chuyện về nhà văn hóa", *Tạp chí Dân tộc & Phát triển*, Số 2.
2. Nguyễn Xuân Hồng (2013), "Phục dựng nhà cộng đồng truyền thống ở xã Hồng Hạ, huyện A Lưới: Bài học về những cách tiếp cận trong công tác bảo tồn", trong Kỷ yếu hội thảo: *Kiến trúc truyền thống và cộng đồng*, do VICAS tổ chức, Huế 9/2013.
3. Nguyễn Quốc Lộc (Chủ biên, 1984), *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
4. Nguyễn Văn Mạnh (Chủ biên, 2001), *Luật tục của người Tà-ôi, Cotu, Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. Trương Hoàng Phương, Hirohide Kobayashi (2013), "Tác động của chính sách đối với nhà truyền thống cộng đồng của người Cotu ở Nam Đông, Thừa Thiên Huế", trong Kỷ yếu hội thảo: *Kiến trúc truyền thống và cộng đồng*, do VICAS tổ chức, Huế 9/2013.
6. Trương Điện Thắng (2019), "Có một Nam Giang buồn", *Báo Thanh Niên*, ngày 25/9, tr. 16.
7. Nguyễn Hữu Thông (2003), "Tình hợp lý giữa cái còn và cái mất của một di sản", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Số 6, tr. 3-8.
8. Trường Đại học Nông lâm - Đại học Huế và Đại học Kyoto (2008), *Xây dựng nhà cộng đồng truyền thống có sự tham gia của người dân ở vùng núi miền Trung Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Viện Dân tộc học (2015), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam) (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.